

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 7 - 2020

V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ
vợ chồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thọ;
2. Ông Y Bhiu Mlô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc *Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị M, sinh năm 1994 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Đỗ Anh D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt (anh D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/6/2020, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh D chung sống trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị M và anh D chung sống hạnh phúc được 03 năm

thì giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến không còn tình cảm và không hạnh phúc khi sống chung, chị M và anh D đã không còn chung sống được khoảng 24 tháng, nay chị M thấy không thể tiếp tục chung sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị M và anh D có 01 con chung là Đỗ Đức Gia B, sinh ngày 20/4/2015, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị M và anh D thống nhất thỏa thuận, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi nên chị M đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải (hòa giải về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng) ngày 02/7/2020 bị đơn anh Đỗ Anh D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D đồng ý với lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, anh D và chị M chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống đã không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn chung sống khoảng 24 tháng. Nay không còn tình cảm với chị M nên anh D đồng ý với yêu cầu của chị M, đề nghị Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị M.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh D và chị M có 01 con chung là Đỗ Đức Gia B, sinh ngày 20/4/2015, anh D đồng ý giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án gồm phiên họp, phiên hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Anh D đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX

căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị M và anh D mặc dù chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã không còn chung sống khoảng 24 tháng, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh D.

Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận thỏa thuận của các đương sự để giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên đã tự thỏa thuận nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản, nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị M và anh D tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2015, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, do khác biệt về tính cách, quan điểm sống, đã không chung sống khoảng hai năm. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do vậy, chị M yêu cầu Tòa án

tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh D là đúng quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung là Đỗ Đức Gia B, sinh ngày 20/4/2015. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải (*hòa giải về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng*) ngày 02/7/2020 chị M và anh D đều thống nhất giao con chung chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng:

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải (*hòa giải về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng*) ngày 02/7/2020, chị M và anh D tự nguyện thỏa thuận anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, điều 107, 110, 116, 117, 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh D không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cần buộc chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0006629 ngày 26/6/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Cần buộc bị đơn anh Đỗ Anh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, 213, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 58; khoản 1, 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị M và anh Đỗ Anh D.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lương Thị M và anh Đỗ Anh D như sau:

- Giao con chung là Đỗ Đức Gia B, sinh ngày 20/4/2015 cho chị Lương Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

- Anh Đỗ Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đỗ Đức Gia B, sinh ngày 20/4/2015, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị M và anh Đỗ Anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc nguyên đơn chị Lương Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0006629 ngày 26/6/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn anh Đỗ Anh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Văn Vân

